

BÀI 45 お誕生日おめでとう
OTANJÔBI OMEDETÔ

みんな	アンナ、お誕生日おめでとう。	Chúc mừng sinh nhật Anna!
Bạn bè	ANNA, OTANJÔBI OMEDETÔ.	
健太	これ、ほんの気持ちです。	Đây là món quà nhỏ tặng em.
Kenta	KORE, HONNO KIMOCHI DESU.	
アンナ	どうもありがとうございます。	Em cảm ơn anh ạ.
Anna	DÔMO ARIGATÔ GOZAIMASU.	
さくら	何をもらったの？	Em nhận được quà gì thế?
Sakura	NANI O MORATTA NO?	
アンナ	開けてもいいですか。	Em mở ra có được không ạ?
Anna	AKETE MO II DESU KA.	



Mẫu ngữ pháp

① OTANJÔBI OMEDETÔ (chúc mừng sinh nhật)

◈ OTANJÔBI là "ngày sinh nhật". OMEDETÔ là "chúc mừng".

Để nói lịch sự ⇒ OTANJÔBI OMEDETÔ GOZAIMASU. (Chúc mừng sinh nhật.)

② MORAIMASU (được cho/được tặng)

◈ Khi người nhận là chủ ngữ, dùng động từ MORAIMASU. Dùng NI để chỉ người cho/tặng.

Ví dụ: KANOJO WA KARE NI FÛSEN O MORAIMASU. (Chị ấy được anh ấy cho một quả bóng bay.)

◈ Khi người cho là chủ ngữ, dùng AGEMASU (cho/tặng).

☞ *Xem bài 33*

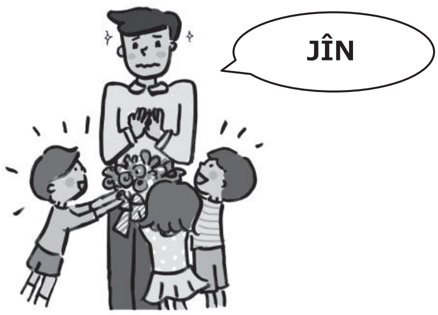
Ví dụ: KARE WA KANOJO NI FÛSEN O AGEMASU.

(Anh ấy cho chị ấy một quả bóng bay.)





Từ tượng thanh và tượng hình



Từ diễn tả sự cảm động tận đáy lòng, suýt rơi nước mắt



Từ diễn tả sự xúc động hoặc cảm thông với người khác đến mức trào nước mắt